

Số: 40/2022/QĐST-DS

Ba Vì, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Trần Minh T, sinh năm 1965.

HKTT: Đội 2, thôn VC, xã CĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Bị đơn có yêu cầu phản tố: Anh Trần Văn H, sinh năm 1976.

HKTT: Thôn VC, xã CĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1962.

- Chị Lê Thị N, sinh năm 1976.

Đều trú quán: Thôn VC, xã CĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ vay tiền : Vợ chồng anh Trần Văn H, chị Lê Thị N có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Trần Minh T, ông Lê Văn T1 toàn bộ số tiền gốc là: 521.670.000đ (*Năm trăm hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) và số tiền lãi suất là: 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*). Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 636.670.000đ (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

+ Về yêu cầu phản tố: Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Văn H về việc yêu cầu vợ chồng bà Trần Minh T, ông Lê Văn T1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vợ chồng bà Trần Minh T, ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng anh Trần Văn H, chị Lê Thị N: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc), có số vào sổ cấp GCN: CH 00096/QSDD-CĐ, tại thửa đất số 251⁻², tờ bản đồ số 05, diện tích 268m², địa chỉ: Thôn VC, xã CĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, cấp ngày 17/5/2011, mang tên ông Trần Văn H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí: Anh Trần Văn H, chị Lê Thị N tự nguyện nộp: 14.733.400đ (*Mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Minh T tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm lăm mươi nghìn đồng*) án phí về yêu cầu phản tố của anh Trần Văn H được chấp nhận. Được khấu trừ một phần vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp: 12.434.000đ (*Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0060158 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại bà Trần Thị T số tiền 12.284.000đ (*Mười hai triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Ba Vì;
- Chi cục THADS h. Ba Vì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN PHÚC THỊNH

